

Chứng khoán hóa nợ xấu là công cụ tài chính đã tương đối phát triển tại nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, ở nước ta, vẫn là công cụ tài chính khá mới mẻ. Việc phát triển công cụ này còn tùy thuộc vào những điều kiện về pháp luật, về tổ chức và điều hành thị trường.

1. Chứng khoán hóa nợ xấu là gì? Vì sao trong xử lý nợ xấu cần công cụ chứng khoán hóa nợ xấu?

Chứng khoán hóa nợ xấu là việc đưa những món nợ xấu đã xác định đủ cơ sở pháp lý và định giá tài sản đảm bảo mà người vay đã ký kết hợp đồng vay vốn (thế chấp), vì lý do nào đó không trả được nợ trở thành nợ xấu, lên sàn giao dịch chứng khoán để có tiền thu hồi nợ.

Việc xử lý nợ xấu ở mỗi quốc gia đều có những giải pháp khác nhau và đều sử dụng nhiều công cụ để xử lý. Chứng khoán hóa nợ xấu không phải là công cụ tài chính mới mẻ mà nó đã tương đối phát triển tại nhiều nước trên thế giới, nhất là đối với các nền kinh tế phát triển, do đã hội đủ các điều kiện cần thiết cho công cụ tài chính này phát huy tác dụng.

Khi nói đến phát triển của nền kinh tế thì sự phát triển thị trường chứng khoán là yếu tố căn bản và then chốt trong hệ thống tài chính của bất kỳ quốc gia nào. Và chứng khoán hóa nợ xấu là giải pháp nền tảng, căn bản trong việc giải quyết nợ xấu tại các quốc gia. Ở Việt Nam, để góp phần đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu hiện nay và hạn chế nợ xấu phát sinh trong hoạt động tín dụng của các tổ chức tín dụng (TCTD) thì cần tạo đủ những

CHỨNG KHOÁN HÓA NỢ XẤU - MỘT CÔNG CỤ XỬ LÝ NỢ XẤU CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

*TS. Nguyễn Thị Thúy **

điều kiện cần thiết để công cụ tài chính chứng khoán hóa nợ xấu thực hiện được.

Chứng khoán hóa nợ xấu đưa lại những lợi ích cho hoạt động ngân hàng, đó là:

Thứ nhất, góp phần giải quyết nhanh khối tài sản đảm bảo (thế chấp) nằm trong các tổ chức tín dụng (hiện nay số lớn nằm trong VAMC)

Thứ hai, đối với các TCTD, công cụ này giúp cho việc nhanh chóng thu hồi vốn giảm bớt rủi ro, có nguồn bổ sung nguồn tài chính vào hoạt động kinh doanh. Đối với người vay (doanh nghiệp) thì giải quyết được công nợ, lấy lại lòng tin với TCTD để tiếp tục giao dịch vay vốn hoạt động kinh doanh.

Thứ ba, góp phần giải quyết nhanh nợ xấu, đồng thời cải thiện chỉ số an toàn theo tiêu chuẩn Basel (chỉ số an toàn vốn tối thiểu) là thước đo sức khỏe của mọi tổ chức tín dụng.

Thứ tư, công cụ chứng khoán hóa nợ xấu giúp cho việc xử lý nợ xấu một cách thường xuyên nhanh chóng, tạo dòng chảy tín dụng thuận lợi, giảm nhân lực quản lý tài sản nợ xấu, giảm chi phí quản lý rủi ro đáng kể; mà quan trọng nhất là đóng góp vào khả năng tăng trưởng tín dụng trong nền kinh tế.

2. Các điều kiện thực hiện chứng khoán hóa nợ xấu

2.1. Khung khổ pháp lý phải đầy đủ và hoàn thiện

Xử lý nợ xấu là công việc hết sức

quan trọng nên có nhiều nước đã ban hành luật xử lý nợ xấu. Trong Luật xử lý nợ xấu đưa ra nhiều công cụ xử lý, trong đó có công cụ tài chính chứng khoán hóa nợ xấu cùng với các công cụ xử lý khác. Ở những nước chưa có Luật xử lý nợ xấu cũng có những quy định riêng khá chặt chẽ hoặc thể hiện những điều có liên quan đến xử lý nợ xấu ở các bộ luật khác nhưng đều thống nhất, chặt chẽ và đều hướng tới việc bảo vệ người cho vay (ngân hàng) vì đó là tài sản, tiền bạc của Nhà nước và nhân dân.

Khi thực hiện chứng khoán hóa nợ xấu luôn cần đủ những điều kiện pháp lý cần thiết như: Phải có đủ cơ sở pháp lý trước khi đưa tài sản đảm bảo (TSĐB) lên sàn giao dịch chứng khoán; thành viên tham gia thị trường; tổ chức việc quản lý có hiệu quả và an toàn...

Ở các nước kinh tế phát triển, luật pháp là chỗ dựa đảm bảo vững chắc cho hoạt động tín dụng. Cơ chế quản lý thông tin rất chặt chẽ và liên thông với nhau, gồm thông tin kết nối từ danh tính, địa chỉ, đăng ký kinh doanh, thu nhập bình quân, cho đến giấy phép lái xe, mã số thuế, thông tin trả tiền điện, nước... Do đó, ngân hàng khi cho vay “đã nắm đằng chuôi” vì có hồ sơ đầy đủ của khách hàng trên hệ thống, có thể nhanh chóng biết được các đối tượng cụ thể để quyết định cho vay bao nhiêu, khả năng trả nợ thế nào...

Việc xử lý tài sản đảm bảo sẽ

* Đại học Thăng Long

nhanh chóng và thuận lợi và là chuyện bình thường ở TCTD vì nếu khách hàng không trả được nợ thì đương nhiên mất tài sản đảm bảo vì khi vay vốn đã ký và chấp nhận theo đúng quy định của luật pháp. Ở các nước phát triển, phần lớn người mua nhà vay ngân hàng đều thế chấp chính ngôi nhà đó với thời gian trả trung bình trong vòng 10 - 15 năm. Khi khách hàng không trả được nợ thì bị thu hồi nhà đó. Ở các nước này, khi có đầy đủ thủ tục pháp lý thì ngân hàng đương nhiên được kê biên, tịch thu phát mại tài sản hoặc có ra tòa thì thủ tục cũng vô cùng nhanh gọn chỉ trong một vài ngày, đương nhiên khách hàng phải chấp nhận hợp đồng đó hợp pháp, hợp lệ và sẽ có phán quyết của tòa.

VỀ XỬ LÝ NỢ XẤU ở một số nước trong khu vực như Indonesia và Malaysia, khi cần thiết, phải thúc đẩy xử lý nợ xấu, chính phủ cho phép các Công ty mua bán nợ (AMC) có nhiều quyền lực hơn, như được quyền tịch biên tài sản của các chủ thể có nợ xấu mà không chịu hợp tác thì cũng không cần đến các giấy tờ cần thiết từ phía tòa án; Xử lý TSĐB, chuyển nhượng, bán khoán nợ mà không phải xin phép bên đi vay.

Ở **Việt Nam**, việc quản lý dữ liệu các thông tin tiêu chí về cá nhân doanh nghiệp tư nhân, kể cả doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa có hệ thống và liên thông, do vậy, hoạt động cho vay của các TCTD còn gặp nhiều khó khăn trong việc điều tra tìm hiểu để thẩm định trước khi quyết định cho vay.

Những lỗ hổng của luật pháp làm cho việc xử lý nợ xấu chưa được thuận lợi, nguyên nhân là do người vay thiếu trách nhiệm, chậ

ì trong việc trả nợ.

Quy trình phát mại TSĐB còn quá nhiều phức tạp, tốn kém về mặt chi phí và thời gian. Gần đây, Thông tư 16/2014/TTTLT-BTP-BTNMT-NHNN được ban hành thì khuôn khổ pháp lý về xử lý TSĐB tiền vay của TCTD đã được tốt hơn một bước, giải quyết được nhiều khó khăn vướng mắc trong quá trình xử lý TSĐB và đăng ký quyền sở hữu, tiền sử dụng tài sản sau khi xử lý TSĐB. Tuy nhiên, từ các quy định trong văn bản đến thực tế thực hiện là cả một quá trình. Thực tế cho thấy: với một khoản nợ xấu có TSĐB, ngân hàng phải mất rất nhiều thời gian để xử lý rủi ro và thực hiện phát mại, từ khi tổ chức đấu giá, cơ sở để đưa giá đấu giá hay thực hiện phán quyết của tòa (thi hành án). Như vậy, quá trình xử lý nợ xấu nói chung, xử lý TSĐB nói riêng phụ thuộc rất lớn vào khung pháp lý liên quan đến tố tụng, phá sản doanh nghiệp, phát mại TSĐB... nay có thêm qui định pháp lý nhưng chưa hoàn thiện. Phải chăng cần có hành lang pháp lý hoàn thiện hơn, thực tế hơn.

Mục tiêu năm 2015 đưa nợ xấu về 3% là khả thi.

Tuy nhiên, để có thể giải quyết được dứt điểm nợ xấu, chúng tôi cho rằng cần có một cơ chế, một hành lang pháp lý đủ mạnh. Nghị định 34 sửa đổi bổ sung Nghị định 53, đã trao cho VAMC một số quyền hạn trong phạm vi thẩm quyền của Chính phủ. Tuy nhiên, cần điều chỉnh các quy định có liên quan để VAMC có thể thực hiện đưa sản phẩm để chứng khoán hóa. Bởi khách hàng trên thị trường chứng khoán không ai mua sản phẩm không đủ tư cách tham gia thị trường cả. Hay là sản

phẩm mua về vẫn chưa được sử dụng mà phải tiếp tục chờ đợi hoàn thiện thủ tục pháp lý.

2.2. Người vay có ý thức cao về trách nhiệm trả nợ, cùng với sự nghiêm minh xử lý của luật pháp

Một nguyên tắc cơ bản là: Có vay có trả, vay thì phải trả. Người đi vay phải có ý thức sơ đẳng đó và ý thức trách nhiệm đó phải được hình thành tính toán khi lập dự án vay ngân hàng.

Nguồn vốn sử dụng để cho vay của các TCTD bao gồm: Với nhà nước (vốn điều lệ của các tổ chức tín dụng - Nhà nước); vốn cổ đông đóng góp, vốn huy động của dân và các nguồn khác. TCTD có trách nhiệm bảo tồn vốn và hoàn trả tiền gửi đến hạn. Trong kinh doanh, các TCTD luôn muốn tăng trưởng tín dụng để thu nhiều lợi nhuận, nhưng trước hết phải bảo đảm an toàn vốn và giảm thiểu rủi ro. TCTD đặc biệt quan tâm thu nợ đến hạn mà người vay đã cam kết có thể thu được nợ mới có nguồn trang trải cổ tức cho cổ đông, hoàn trả tiền gửi đến hạn, bù đắp những chi phí huy động vốn trả lương cho người lao động, đổi mới kỹ thuật công nghệ, nộp thuế cho nhà nước và các nghĩa vụ khác... Mặt khác, TCTD có thu được nợ cũ mới có nguồn vốn tiếp tục cho vay mới mà chính người vay nợ có thể vay lại để thực hiện việc kinh doanh, sản xuất theo dự án mới.

Ở Việt Nam, hiện nay, ý thức trách nhiệm trả nợ của người vay còn thấp, cùng với các quy định của luật pháp chưa có sự thống nhất và hoàn thiện về vấn đề này nên sức ì của con nợ cao.

Có một thực tế ở nước ta trong giao dịch tín dụng là khi vay vốn người đi vay là người yếu thế, phụ

thuộc, khi tiền cho vay đã chuyển cho người vay (vốn trao tay) nhất là khi nợ tốt đã chuyển thành nợ xấu thì cũng chuyển vị thế, ngân hàng là người cho vay luôn phải theo sát doanh nghiệp, người vay để tìm cách thu nợ. Những năm vừa qua thường có hiện tượng nhiều người quan niệm cứ vay được tiền là xong việc, còn trách nhiệm quan trọng nhất là nghĩa vụ trả nợ thì gần như bị lãng quên hoặc cố tình lãng quên, thậm chí họ chây ì, trì hoãn, càng kéo dài càng tốt, họ cho rằng cứ chây ì được là có lợi, cứ lách được là có lợi. Ngân hàng, tuy có nhiều quyền, nhưng gần như lại không làm gì được nếu người vay không hợp tác. Chế tài của pháp luật ít có tác dụng để bắt buộc người vay phải nhanh chóng trả nợ. Trên thực tế, nếu chậm trả nợ thì khách hàng lại dễ có cơ hội được đàm phán gia hạn nợ, xóa nợ, giảm lãi thậm chí giảm gốc, vì càng kéo dài tình trạng nợ xấu thì ngân hàng càng thiệt hại, nên tìm mọi cách để xử lý sớm.

Bên cạnh những khách hàng chủ động trả nợ thì có không ít khách hàng cố tình chây ì không chịu trả nợ và tìm mọi cách để làm sao ngân hàng không thể xử lý được tài sản đảm bảo. Đó là chưa kể khách hàng vay nợ vận dụng tới các mối quan hệ... để nhờ hỗ trợ làm sao không thi hành án được. Trì hoãn, lẩn tránh... là cách thức phổ biến nhất của con nợ trong thời điểm hiện nay để trốn tránh trách nhiệm trả nợ ngân hàng. Công tác xử lý TSĐB phụ thuộc nhiều vào thiện chí của bên thế chấp. Nếu bên thế chấp thiện chí thì việc xử lý TSĐB mới có thể được triển khai nhanh chóng, nếu không thì ngân hàng buộc phải dùng các biện pháp thu giữ tài

sản. Đây là một công việc hết sức khó khăn.

Trong quá trình thu hồi nợ xấu, phát mại tài sản nếu không có sự vào cuộc của công an và chính quyền địa phương thì việc này đối với ngân hàng là kết thúc khó khăn.

Công đoạn cuối của thủ tục phát mại TSĐB còn có những cản trở khác về các thủ tục pháp lý như chữ ký của gia đình khi thế chấp, chính sách gia đình có công, thương binh, liệt sĩ...

Hậu quả là thời gian để xử lý một khoản nợ phải tính bằng nhiều năm. Đây chính là nguyên nhân dẫn tới tình trạng nợ xấu ngày càng được tích tụ qua nhiều năm.

3. Chứng khoán hóa - một công cụ xử lý nợ xấu có hiệu quả ở một số nước

Mỹ là nước đứng đầu thế giới về xử lý nợ xấu qua các thời kỳ. Tại hội thảo “Chứng khoán hóa nợ xấu” do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với WB tổ chức ngày 29/7/2015, GS. Xuân Thảo Nguyên khoa Luật Đại học Indiana University (Mỹ) phát biểu về thu hút nhà đầu tư mua lại nợ xấu tại thị trường chứng khoán: *“Cần phải có cách chia sẻ rủi ro với người đầu tư. Công ty quản lý tài sản phải công khai, minh bạch độ rủi ro liên quan đến tài sản của bên khởi tạo cho người mua, cùng với khung khổ pháp lý hoàn thiện để có thể đảm bảo thu hồi khoản nợ mà họ mua. Nếu không có hệ thống pháp lý thì họ không thể thực hiện quyền đối với tài sản mà họ đã mua. Đồng thời, để tăng cường tính minh bạch trong quy trình triển khai chứng khoán hóa cần phải có sự tham gia của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm,*

đánh giá mức độ rủi ro của tài sản họ mua”.

Tại cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á 1997 - 1999 nhiều nước chưa sử dụng công cụ chứng khoán hóa. Ở Hàn Quốc có cơ chế bước đi và luật pháp nói chung rất hoàn thiện nên sớm chứng khoán hóa nợ xấu thành công. Hàn Quốc đánh giá là vì việc triển khai chứng khoán hóa nợ xấu đó là đáp ứng đúng nhu cầu của thị trường Hàn Quốc hóa bằng giờ về huy động vốn. Để xây dựng chính sách về chứng khoán hóa nợ xấu không nhất thiết phải tạo ra một luật riêng ngay lập tức mà quan trọng phải thúc đẩy và phát triển thị trường mua bán nợ trong thời gian ngắn nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chứng khoán hóa nợ xấu.

Những năm 1997 - 1999, Malaysia đã chịu tác động nhất định từ khủng hoảng tài chính châu Á. Thời điểm đó Chính phủ Malaysia đã nhanh chóng xây dựng kế hoạch tái cơ cấu ngân hàng nhằm xây dựng hệ thống ngân hàng có khả năng chống đỡ tốt, có tính cạnh tranh cao và hiệu quả. Cũng như một số nước đang phát triển, nền kinh tế Malaysia phụ thuộc rất nhiều vào nguồn vốn ngân hàng, nên khi doanh nghiệp bị phá sản tất cả rủi ro của doanh nghiệp tích tụ vào trong hệ thống ngân hàng. Để có thể phục hồi các ngân hàng, phát triển khu vực tài chính phi ngân hàng, Chính phủ Malaysia đã ngay lập tức xây dựng “Đội đặc nhiệm” có vai trò hỗ trợ xây dựng cơ chế tái cơ cấu tài chính ngân hàng, với sự tham gia của nhiều cơ quan chính phủ nhằm đảm bảo qui trình tái cấp vốn cho khu vực tài chính ngân hàng. ■